

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hán Văn Mai

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX-ST ngày 15-3-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Đỗ Thị Kim D - Sinh năm 1969** (có mặt)

Bị đơn: **Ông Tô Văn C - Sinh năm 1968** (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim D trình bày:

Bà Đỗ Thị Kim D và Tô Văn C bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N vào ngày 02-10-2014.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, trong cuộc sống hằng ngày mọi sinh hoạt ông C tự quyết, không tôn trọng hỏi ý kiến của bà D; bà D cố gắng chịu đựng để vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 07-2021 đến nay; không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống; Đến thời điểm hôm nay bà D xác định không còn tình cảm yêu thương ông Tô Văn C nữa. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Tô Văn C. Bà D đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn ông Tô Văn C trình bày:

Ông Tô Văn C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim D, vì tình cảm không còn, giữa ông Tô Văn C và bà Đỗ Thị Kim D đã thỏa thuận xong, không có gì vướng mắc nữa. Yêu cầu Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa ông C với bà Đỗ Thị Kim D theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Vì công việc nên ông Tô Văn C xin xét xử vắng mặt, mong Tòa án tạo điều kiện giải quyết cho ông Tô Văn C.

- Tại phiên tòa bà Đỗ Thị D có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần.

Đối với bị đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Đỗ Thị Kim D và ông Tô Văn C, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim D được ly hôn ông Tô Văn C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn ông Tô Văn C, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Tô Văn C có địa chỉ tại khu phố 10, thị trấn P, huyện N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của bị đơn ông Tô Văn C: Bị đơn ông Tô Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đỗ Thị Kim D và ông Tô Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 233/2014, quyển số 02/2014, ngày 02-10-2014; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Đỗ Thị Kim D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Tô Văn C, nguyên nhân do tính tình không hợp, ông C không tôn trọng vợ, có tính gia trưởng, trong cuộc sống mọi sinh hoạt hằng ngày ông C tự quyết; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 07-2021 đến nay, tình cảm vợ chồng đã hết.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 07-2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không còn khả năng đoàn tụ.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cung cấp: C quyền địa phương có biết được vợ chồng bà Đỗ Thị Kim D và ông Tô Văn C có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng xa cách đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Tô Văn C: Quá trình giải quyết vụ án ông Tô Văn C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim D.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Đỗ Thị Kim D và ông Tô Văn C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xa cách thời gian dài từ tháng 07-2021 đến nay, bà D không còn tình cảm yêu thương ông C, cương quyết ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Kim D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết:

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Kim D. Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Kim D và ông Tô Văn C.

2. Về án phí:

Bà Đỗ Thị Kim D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: **0000348, ngày 14-10-2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đỗ Thị Kim D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn không có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Đạt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hán Văn Mai Phạm Ngọc Minh

Trần Quốc Đạt